

PHÒNG GD&ĐT NAM TRÀ MY
TRƯỜNG THCS TRÀ MAI
Số: 04/QĐ-THCSTM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Trà Mai, ngày 06 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phân công nhiệm vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường Trà Mai,
năm học 2022 – 2023 (lần 4)**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TRÀ MAI

Căn cứ Thông tư số 32/BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT Ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Quyết định số 1752/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2021 của UBND huyện Nam Trà My về việc chuyển đổi trường Phổ thông Dân tộc Bán trú Trung học cơ sở Trà Mai thành trường Trung học cơ sở Trà Mai;

Căn cứ Quyết định số 187/QĐ-PGDĐT ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Trưởng phòng GDĐT huyện Nam Trà My về việc cho phép hoạt động giáo dục đối với Trường Trung học cơ sở Trà Mai;

Căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị và xét năng lực, khả năng công tác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phân công nhiệm vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trường THCS Trà Mai, (lần 4, từ ngày 09 tháng 01 năm 2023, tuần 19) học kì 1, năm học 2022 - 2023. (có bảng phân công kèm theo)

Điều 2. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên căn cứ bảng phân công để thực hiện các nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông (bà) trong Ban Giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường và những người có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT; (b/c)
- Như Điều 3; (để t/h)
- Lưu VT, CM.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Khắc Điệp



PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ MỸ

TRƯỜNG THPT TRẦN MẠNH KHÁM

BẢNG PHÂN CÔNG MẠNG LƯỚI HỌC KÌ II- NĂM HỌC 2022 - 2023 (Lần 4)

Áp dụng từ ngày 09/01/2023 (Từ tuần 19)

(Kèm theo Quyết định số 04/QĐ-THCSTM ngày 06 tháng 01 năm 2023)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Công tác KN (số tiết)	Chủ nhiệm (số tiết)	NỘI DUNG CÔNG VIỆC (số tiết)	Tổng Số tiết kiêm nhiệm, giảng dạy	Số tiết tiêu chuẩn	Thừa/Thiếu
1	Nguyễn Khắc Điệp	HT	BT Chỉ bộ (3t)		Quản lý, chỉ đạo chung	3	2	+1
2	Nguyễn Phước Tình	PHT	PCT CD (3)		Phụ trách chuyên môn, Hướng nghiệp 9 (2t), GD CD 9 (2t)	7	4	+3
3	Nguyễn Văn Thịnh	GV	TTCM (3t)	8/2 (4t)	Hóa 7 (2t), 8 (4t), 9 (4t), GD CD 6(2t), GDĐP 6(2t), Thiết bị, BD Hóa 9 (1t)	22	19	+3
4	Lê Thị Hiếu	GV	TPCM (1t)	6/1 (5t)	Toán 6, 8 (16t), BD Toán 6,8 (2t)	24	19	+5
5	Trần Thị Phụng	GV	UVCD (1t)		Toán 7, 9 (16 tiết), BD Toán 7, 9 (2t)	19	19	0
6	Nguyễn Thị Dương	GV	TTCM(3t)		Tiếng Anh 6,7,9 (16 t), BD Anh 6,7,9 (3t)	22	19	+3
7	Võ Thị Thanh Tâm	GV	TKHH (2t)	9/1 (4t)	Sử 6 (4t), 7 (2t), 8 (2t), 9 (4t), GD CD 7(2t), Thư viện (2t), Âm nhạc 6(2t),BD Sử 9 (1t)	25	19	+6
8	Lê Thị Thắm	GV	TPCM (1t)	7/2 (5t)	Văn 6 (8), 8 (8 t), BD Văn 6,8 (2t)	24	19	+5
9	Cao Thị Nga	GV		9/2 (4t)	Văn 7 (8t), 9 (19t), BD Văn 7,9 (2t)	24	19	+5
10	Đỗ Thị Phú	GV		6/2 (5t)	Địa 6 (2t), 7 (4t), 8 (4t), 9 (2t), GDĐP 7 (4t), GD CD 8 (2t), BD Địa 9 (1t)	24	19	+5
11	Châu Văn Sơn	GV	CTCD (3t), TPT Đội		Vật lí 6 (4t), 7 (2t), 9 (4t), BDHSG lí 9 (1t)	14	9	+5
12	Trà Phước Huy	GV HĐ			Thể dục 6,7,8,9 (16t), Mĩ thuật 6, 7 (4t)	20	19	+1
13	Võ Thị Mỹ Lương	GV HĐ		8/1 (4t)	Vật lý 8 (2t), C nghệ 6 (2t), 7 (2t), 8 (2t), 9 (2t), Âm nhạc 7, 8,9 (6t)	20	19	+1
14	Nguyễn Thị Thùy Tiên	GV HĐ		7/1 (5t)	Tin học 6 (2t), 7 (2t), 8 (4t), 9 (4t), BDHSG Tin (2t)	19	19	0
15	Nguyễn Văn Quốc	GV HĐ			Sinh 6 (4t), 7 (4t) , 8 (4t), 9 (4t), MT 8 (2t), BD Sinh 9 (1t)	19	19	0
16	Nguyễn Thị Nhung	Th/ giảng			Tiếng Anh 8 (6t), BD Anh 8 (1t)	+7	+7	+7
17	Lê Thị Hương	NV HĐ			Kế toán	Hợp đồng từ ngày 01/01		
18	Hồ Thị Vân	NV HĐ			Bảo vệ, phục vụ			
19	Nguyễn Thị Quý	NV HĐ			Y tế học đường, Thư viện	Nghỉ sinh từ tháng 10/2022		

PHÒNG GD&ĐT NAM TRÀ MỸ
TRƯỜNG THCS TRÀ MẠI

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KÌ II NĂM HỌC 2023-2023 (BUỔI SÁNG)
(Áp dụng từ ngày 09 tháng 01 năm 2023, Tuần 19)

Thứ	Tiết	6/1	6/2	7/1	7/2	8/1	8/2	9/1	9/2
Thứ Hai	1	SHDC	SHDC	SHDC	SHDC	SHDC	SHDC	SHDC	SHDC
	2	Toán (Hiệu)	KHTN (Lí-Son)	GDCD (Tâm)	LS&Địa lí (Địa-Phú)	Ngữ văn (Thắm)	M. thuật (Quốc)	Anh văn (Dương)	Ngữ văn (Nga)
	3	Toán (Hiệu)	LS&Địa lí (Sử-Tâm)	LS&Địa lí (Địa-Phú)	C. Nghệ (Lương)	Ngữ văn (Thắm)	Hóa (Thịnh)	Vật lí (Son)	Ngữ văn (Nga)
	4	Công nghệ (Lương)	Ngữ văn (Thắm)	Anh văn (Dương)	Ngữ văn (Nga)	Sinh (Quốc)	Toán (Hiệu)	Toán (Phụng)	Vật lí (Son)
	5	LS&Địa lí (Sử-Tâm)	Anh văn (Dương)	KHTN (Lí-Son)	Ngữ văn (Nga)	Tin (Tiên)	Toán (Hiệu)	Toán (Phụng)	Sinh (Quốc)
Thứ Ba	1	Ngữ văn (Thắm)	KHTN (Sinh-Quốc)	Tin (Tiên)	Anh văn (Dương)	Toán (Hiệu)	Anh Văn (Nhưng)	Hóa (Thịnh)	Toán (Phụng)
	2	Ngữ văn (Thắm)	SHCĐ (Phú)	KHTN (Sinh-Quốc)	Anh văn (Dương)	Toán (Hiệu)	Anh Văn (Nhưng)	Lịch sử (Tâm)	Toán (Phụng)
	3	Tin (Tiên)	Mĩ thuật (Huy)	Toán (Phụng)	GDCD (Tâm)	Anh Văn (Nhưng)	Ngữ văn (Thắm)	Sinh (Quốc)	Hóa (Thịnh)
	4	Anh Văn (Dương)	Tin (Tiên)	Toán (Phụng)	KHTN (Sinh-Quốc)	Địa Lí (Phú)	Ngữ văn (Thắm)	Ngữ văn (Nga)	GDCD (Tinh)
	5	KHTN (Sinh-Quốc)	Anh văn (Dương)	M. thuật (Huy)	LS&Địa lí (Địa-Phú)	C. Nghệ (Lương)	Tin (Tiên)	Ngữ văn (Nga)	Lịch sử (Tâm)
Thứ Tư	1	Toán (Hiệu)	GDCD (Thịnh)	LS&Địa lí (Địa-Phú)	M. thuật (Huy)	Tin (Tiên)	Sinh (Quốc)	Toán (Phụng)	Ngữ văn (Nga)
	2	Toán (Hiệu)	Ngữ văn (Thắm)	Lịch sử&ĐL (Sử-Tâm)	KHTN (Hóa-Thịnh)	Vật Lí (Lương)	Địa lí (Phú)	Toán (Phụng)	Ngữ văn (Nga)
	3	M. thuật (Huy)	Toán (Hiệu)	Ngữ văn (Nga)	Tin (Tiên)	Sinh (Quốc)	Hóa (Thịnh)	Anh Văn (Dương)	C. Nghệ (Lương)
	4	KHTN (Lí-Son)	Toán (Hiệu)	Ngữ văn (Nga)	Toán (Phụng)	Ngữ văn (Thắm)	C. Nghệ (Lương)	Tin (Tiên)	Địa lí (Phú)
	5	SHCĐ (Hiệu)	Anh Văn (Dương)	KHTN (Hóa-Thịnh)	Toán (Phụng)	Ngữ văn (Thắm)	Lịch sử (Tâm)	C. Nghệ (Lương)	Tin (Tiên)
Thứ Năm	1	Anh Văn (Dương)	Ngữ văn (Thắm)	Toán (Phụng)	Ngữ văn (Nga)	Anh Văn (Nhưng)	Sinh (Quốc)	GDCD (Tinh)	Hóa (Thịnh)
	2	KHTN (Sinh-Quốc)	Ngữ văn (Thắm)	Toán (Phụng)	Ngữ văn (Nga)	Anh Văn (Nhưng)	Tin (Tiên)	Hóa (Thịnh)	Anh văn (Dương)
	3	Ngữ văn (Thắm)	Lịch sử&ĐL (Sử-Tâm)	KHTN (Sinh-Quốc)	Anh văn (Dương)	Địa Lí (Phú)	Anh Văn (Nhưng)	Ngữ văn (Nga)	Toán (Phụng)
	4	Ngữ văn (Thắm)	LS&Địa lí (Địa-Phú)	Anh văn (Dương)	KHTN (Lí-Son)	Lịch sử (Tâm)	Toán (Hiệu)	Sinh (Quốc)	Toán (Phụng)
	5	Lịch sử&ĐL (Sử-Tâm)	C. Nghệ (Lương)	Anh văn (Dương)	KHTN (Sinh-Quốc)	Hóa (Thịnh)	Toán (Hiệu)	Vật lí (Son)	Ngữ văn (Nga)
Thứ Sáu	1	LS&Địa lí (Địa-Phú)	KHTN (Lí-Son)	Ngữ văn (Nga)	Toán (Phụng)	Toán (Hiệu)	Ngữ văn (Thắm)	Lịch sử (Tâm)	Sinh (Quốc)
	2	Anh Văn (Dương)	KHTN (Sinh-Quốc)	Ngữ văn (Nga)	Toán (Phụng)	Toán (Hiệu)	Ngữ văn (Thắm)	Địa lí (Phú)	Lịch sử (Tâm)
	3	GDCD (Thịnh)	Toán (Hiệu)	C. Nghệ (Lương)	SHCĐ (Thắm)	M. thuật (Quốc)	Địa lí (Phú)	Ngữ văn (Nga)	Vật Lí (Son)
	4	KHTN (Lí-Son)	Toán (Hiệu)	SHCĐ (Tiên)	Lịch sử&ĐL (Sử-Tâm)	Hóa (Thịnh)	Vật lí (Lương)	Ngữ văn (Nga)	Anh Văn (Dương)
	5	SHL (Hiệu)	SHL (Phú)	SHL (Tiên)	SHL (Thắm)	SHL (Lương)	SHL (Thịnh)	SHL (Tâm)	SHL (Nga)

Trà Mai, ngày 06 tháng 01 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Handwritten signature

Thời gian vào lớp: 6h45, vào tiết 7h00.

Người lập bảng

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KÌ II NĂM HỌC 2022-2023 (BUỔI CHIỀU)
(Áp dụng từ ngày 09 tháng 01 năm 2023, Tuần 19)

Thứ	Tiết	6/1	6/2	7/1	7/2	8/1	8/2	9/1	9/2
Thứ Hai	1			GDĐP (Phú)		Thế dục (Huy)			
	2			GDĐP (Phú)	Nhạc (Lương)	Thế dục (Huy)			
	3			Nhạc (Lương)	GDĐP (Phú)		Thế dục (Huy)		
	4				GDĐP (Phú)		Thế dục (Huy)		
Thứ Ba	1	Thế dục (Huy)	GDĐP (Thịnh)					Âm nhạc (Lương)	Tin (Tiên)
	2	Thế dục (Huy)	Nhạc (Tâm)					Tin (Tiên)	Âm nhạc (Lương)
	3	Nhạc (Tâm)	Thế dục (Huy)						
	4	GDĐP (Thịnh)	Thế dục (Huy)						
Thứ Tư	1								
	2				Thế dục (Huy)	Nhạc (Lương)	GD&ĐT (Phú)		
	3			Thế dục (Huy)	Thế dục (Huy)	GD&ĐT (Phú)	Nhạc (Lương)		
	4			Thế dục (Huy)					
Thứ Năm	1							Thế dục (Huy)	
	2							Thế dục (Huy)	
	3								
	4								
Thứ Sáu	1								
	2								
	3								
	4								

Thời gian vào lớp: 13 h 15, vào tiết 13h 30.

Người lập bảng

HIỆU TRƯỞNG

